

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /02/2024 của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ khu vực vệ sinh.
- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất (gồm nước thải từ công đoạn mài, buồng phun sơn và các hệ thống xử lý khí thải).
- Nguồn số 4: Nước thải từ tháp xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải và vị trí xả nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được xả vào hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp (CCN) Hải Phương.
- Vị trí xả nước thải: 01 điểm xả vào hệ thống thoát nước của CCN.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2230526; Y(m) = 0581572 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Phương thức xả nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý đạt quy chuẩn môi trường cho phép trước khi chảy vào cống thoát nước của CCN Hải Phương theo phương thức tự chảy.

2.2.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$; đối với thông số pH, coliform, độ màu thì $C_{max} = C$), cụ thể như sau

Bảng 1: Giá trị giới hạn thông số trong nước thải sau xử lý

| TT | Chất ô nhiễm | Đơn vị | Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A | |
|----|--------------|--------------------------|--|---|
| | | | C | C_{max} ($K_f = 1,1$, $K_q = 0,9$) |
| 1 | Lưu lượng | m ³ /ngày.đêm | - | - |

| | | | | |
|----|---------------------------|----------|-------|-------|
| 2 | pH | - | 6 - 9 | 6 - 9 |
| 3 | Độ màu | Pt/Co | 50 | 50 |
| 4 | Tổng chất rắn lơ lửng | mg/l | 50 | 49,5 |
| 5 | BOD ₅ | mg/l | 30 | 29,7 |
| 6 | COD | mg/l | 75 | 74,25 |
| 7 | Tổng dầu mỡ khoáng | mg/l | 05 | 4,95 |
| 8 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 05 | 4,95 |
| 9 | Sunfua | mg/l | 0,2 | 0,198 |
| 10 | Tổng Nitơ (tính theo N) | mg/l | 20 | 19,8 |
| 11 | Tổng P (tính theo P) | mg/l | 04 | 3,96 |
| 12 | Clo dư | ml/l | 01 | 0,99 |
| 13 | Xyanua (CN ⁻) | mg/l | 0,07 | 0,069 |
| 14 | Tổng Phenol | mg/l | 0,1 | 0,099 |
| 15 | Tổng Coliform | VK/100ml | 3.000 | 3.000 |

Khi có sự thay đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh khu nhà xưởng, văn phòng, nhà ăn, nhà nghỉ được xử lý sơ bộ bằng hệ thống bể phốt 03 ngăn trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 2: Nước thải từ nhà bếp, nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ 15 m³ để loại bỏ váng dầu mỡ trước khi đưa vào hệ thống xử lý tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 3: Nước thải sản xuất của Công ty được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 4: Nước thải từ tháp xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm để xử lý.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) (áp dụng hệ số K_f= 1,1; K_q= 0,9) được thải vào hệ thống thoát nước chung của CCN Hải Phương.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ:

+ Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh khu nhà xưởng, văn phòng, nhà ăn, nhà nghỉ được xử lý sơ bộ bằng hệ thống bể phốt 03 ngăn với số lượng là 06 bể. Trong đó: 01 bể tự hoại tại khu vực văn phòng và xưởng 1 có thể tích 20 m³/bể; 01 bể tự hoại khu vực xưởng 2 có thể tích 15 m³; 01 bể tự hoại khu vực xưởng 3 có thể tích 30 m³; 01 bể tự hoại khu vực xưởng 4 có thể tích 30 m³; 01 bể tự hoại khu vực xưởng 5 có thể tích 15 m³; 01 bể tự hoại khu vực nhà ăn, nhà nghỉ chuyên gia có thể tích 15 m³).

+ Nước thải nhà ăn: Được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ thể tích 15 m³.

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất công suất 20 m³/ngày.đêm: Nước thải sản xuất → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể nước sau xử lý → Bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm.

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm: Nước thải → Bể điều hòa → Bể khử Nitơ → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể lưu → Bể khử trùng → Bể lọc cát → Bể lọc than → Hồ ga (Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A) → Cống thoát nước chung của CCN Hải Phương.

- Toạ độ xả nước thải: X(m) = 2230526; Y(m) = 581572.

- Hóa chất sử dụng

Bảng 2: Hóa chất sử dụng trong xử lý nước thải

| STT | Hoá chất sử dụng | Định mức sử dụng (kg/năm) |
|-----------|--|---------------------------|
| I | Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày.đêm | |
| 1 | Hóa chất NaClO | 1.200 |
| 2 | Hóa chất NaOH | 350 |
| 3 | Rỉ mật | 600 |
| II | Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải sản xuất công suất 20 m³/ngày.đêm | |
| 1 | Hóa chất PAC | 1.000 |
| 2 | Hóa chất NaOH | 50 |
| 3 | Polyme | 20 |
| 4 | Hoá chất H ₂ SO ₄ | 50 |

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Điều a Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Công ty bố trí 01 nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, được đào

tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành đã được đào tạo.

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép: Công ty sẽ đóng van xả nước thải ra ngoài môi trường và tạm ngừng hệ thống xử lý để kiểm tra lại từng công đoạn quy trình vận hành và xử lý sự cố tại công đoạn đó. Sau khi khắc phục sự cố, nước thải đạt quy chuẩn cho phép mới cho hệ thống vận hành trở lại và thải ra ngoài môi trường.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, đầu tư trang thiết bị dự phòng như: Máy bơm, máy sục khí, máy khuấy trộn, máy bơm bùn,... ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Theo dõi hoạt động, có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các thiết bị máy móc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 1896/XN-STNMT vào ngày 24/7/2018 xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy bảo đảm nước thải xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.3 phần A Phụ lục này trước khi thải ra cống thoát nước chung của CCN Hải Phương. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra); các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm theo quy định.

- Trường hợp trong quá trình xả nước thải nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới cống thoát nước chung của Cụm công nghiệp Hải Phương, Công ty phải báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hải Hậu để kịp thời xử lý./.